

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 62/2026/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Công ty cổ phần MBN J.

Địa chỉ: tầng 15 tòa nhà C, số 219 T, phường Y, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: số 3F-3G H, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Anh T1, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Ngọc D, chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ miền nam.

Người đại diện tham gia tố tụng: ông Vương Lê Vĩnh N, ông Đặng Minh T2 và ông Từ Hồng Xuân H1.

Địa chỉ: số 3F-3G H, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Địa chỉ: số 89 L1, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: số 52-54 (tầng 3) đường Tr, phường C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D1, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hà Xuân S, chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý khách hàng cá nhân 6.

Người đại diện tham gia tố tụng: ông Vương Lê Vĩnh N, ông Đặng Minh T2.

Địa chỉ: số 3F-3G H, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn:

- Bà Lê Thị T3, sinh năm 1972.

- Ông Phạm Văn H3, sinh năm 1969.

Cùng nơi cư trú: số 162/2 ấp Q, xã Q1, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn H3: bà Phạm Thị Xuân N3, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: ấp Q, xã Q1, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Phạm Văn H3 và bà Lê Thị T3 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tổng cộng là 346.811.625 (ba trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm mười một nghìn sáu trăm hai mươi lăm) đồng. Trong đó gồm: tiền nợ gốc là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, nợ lãi: 46.811.625 (bốn mươi sáu triệu tám trăm mười một nghìn sáu trăm hai mươi lăm) đồng theo hợp đồng tín dụng số LN2406192975798 ngày 15/07/2024 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V chi nhánh B2 với ông Phạm Văn H3, bà Lê Thị T3 và Hợp đồng mua bán nợ số 25/2025/VPB-J ngày 30/05/2025, Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V với Công ty Cổ Phần MBN J.

Ông Phạm Văn H3 và bà Lê Thị T3 đồng ý trả cho Công ty Cổ phần MBN J số tiền tổng cộng là 6.589.420.875 (sáu tỷ năm trăm tám mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn tám trăm bảy mươi lăm) đồng. Trong đó gồm: nợ gốc là 5.700.000.000 (năm tỷ bảy trăm triệu) đồng, nợ lãi là 889.420.875 (tám trăm tám mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn tám trăm bảy mươi lăm) đồng, theo hợp đồng tín dụng số LN2406192975798 ngày 15/07/2024 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V chi nhánh B với ông Phạm Văn H3, bà Lê Thị T3 và Hợp đồng mua bán nợ số 25/2025/VPB-J ngày 30/05/2025, Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V với Công ty Cổ Phần MBN J.

Trường hợp, ông H3 và bà T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông H3 và bà T3 đồng ý để tiến hành kê biên, xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số LN2406192975798 ngày 15/7/2024 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V chi nhánh B với ông Phạm Văn H3, bà Lê Thị T3, tài sản đảm bảo gồm:

+ Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 378, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã Th, huyện Th2, tỉnh Bến Tre, nay là xã Th, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 380952, Số vào sổ cấp GCN: VP09678 do Văn phòng đăng ký đất đai cấp ngày 27/12/2023;

+ Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 368, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã Th, huyện Th2, tỉnh Bến Tre, nay là xã Th, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 564015, Số vào sổ cấp GCN: CS08216 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19/11/2021, Cập nhật nội dung thay đổi ngày 11/07/2024;

+ Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 364, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã Th, huyện Th2, tỉnh Bến Tre, nay là xã Th, tỉnh Vĩnh

Long theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 564014, Số vào sổ cấp GCN: CS08215 do Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19/11/2021, Cập nhật nội dung thay đổi ngày 11/07/2024;

+ Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 379, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã Th, huyện Th2, tỉnh Bến Tre, nay là xã Th, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 380953, Số vào sổ cấp GCN: VP09677 do Văn phòng đăng ký đất đai cấp ngày 27/12/2023.

Ông Phạm Văn H3 và bà Lê Thị T3 còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LN2406192975798 ngày 15/07/2024 kể từ ngày 07/02/2026 cho đến khi ông H3 và bà T3 trả hết nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty Cổ phần MBN J.

Về án phí: ông Phạm Văn H3 và bà Lê Thị T3 phải nộp số tiền án phí tổng cộng là 65.965.000 (sáu mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng. Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.387.000 (tám triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai số 0001266 và hoàn lại cho Công ty Cổ phần MBN J số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.187.000 (năm mươi bảy triệu một trăm tám mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai số 0001261 cùng ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Mai Chiến Trục